

SCIC Chi nhánh phía Nam	
ĐẾN	08-06-2015
Số CV đến:	2400

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN  
NGUYỄN VĂN THẮNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần In Nguyễn Văn Thắng (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014.

Công ty cổ phần In Nguyễn Văn Thắng là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500172827 đăng ký lần đầu ngày 20/1/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp

Vốn điều lệ 4.000.000.000 đồng

Vốn thực tế 4.000.000.000 đồng

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 070 3823 126

Fax: 070 383 0653

Mã số thuế: 1500172827

### Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Hội đồng quản trị bao gồm:	Chức vụ
- Ông Nguyễn Minh Tiến	Chủ tịch
- Bà Lê Thị Kim Triết	Thành viên
- Bà Dương Thị Hồng Nhi	Thành viên

Ban kiểm soát	Chức vụ
- Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Trần Văn Hải	Thành viên
- Bà Lê Hoàng Vân	Thành viên

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Minh Tiến	Giám đốc
- Bà Lê Thị Kim Triết	Phó Giám đốc
- Bà Dương Thị Hồng Nhi	Phó Giám đốc
- Ông Vạng Long Giang	Kế toán trưởng

### Ngành nghề kinh doanh

In các loại ấn phẩm như sách, báo, tạp chí, hóa đơn, biểu mẫu, nhãn hàng hóa; in bao bì và cán màng phủ, áp nhũ; mua bán nguyên liệu, vật tư ngành in

# **CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## **Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Doanh nghiệp trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Giám đốc



Số 049/2015/BCKT-TBD

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần In Nguyễn Văn Thắng, được lập ngày 25/05/2015, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN TIẾP THEO)

**Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2014 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định của công ty tại ngày 31/12/2014 và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần In Nguyễn Văn Thanh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2015

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**NGUYỄN THÀNH ĐỨC**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

**NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2013-196-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.048.515.150</b>	<b>5.742.639.288</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.356.306.018	1.829.206.350
Tiền	111		2.356.306.018	1.292.419.459
Các khoản tương đương tiền	112		-	536.786.891
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		1.590.239.683	2.624.460.777
Phải thu của khách hàng	131	V.02	1.621.979.455	2.635.353.181
Trả trước cho người bán	132	V.03	38.289.632	-
Các khoản phải thu khác	135	V.04	7.860.000	66.997.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.05	(77.889.404)	(77.889.404)
Hàng tồn kho	140		2.019.386.666	1.211.665.969
Hàng tồn kho	141	V.06	2.019.386.666	1.211.665.969
Tài sản ngắn hạn khác	150		82.582.783	77.306.192
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	10.509.091	9.750.000
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	72.073.692	67.556.192
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.242.897.610</b>	<b>1.473.688.957</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		3.164.022.610	1.414.238.957
TSCĐ hữu hình	221	V.09	3.164.022.610	1.414.238.957
Nguyên giá	222		6.681.667.632	4.417.122.177
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.517.645.022)	(3.002.883.220)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		78.875.000	59.450.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	78.875.000	59.450.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.291.412.760</b>	<b>7.216.328.245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÁNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.255.229.623</b>	<b>2.276.711.193</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.350.229.623</b>	<b>2.276.711.193</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	340.000.000	-
Phải trả cho người bán	312	V.12	1.211.251.277	791.076.486
Người mua trả tiền trước	313	V.13	322.264.635	163.574.920
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	312.592.376	341.406.416
Phải trả công nhân viên	315	V.15	749.281.073	683.134.671
Chi phí phải trả	316	V.16	391.140.570	141.491.152
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.17	24.421.114	142.733.583
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(721.422)	13.293.965
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>905.000.000</b>	<b>-</b>
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	905.000.000	-
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.036.183.137</b>	<b>4.939.617.052</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.036.183.137</b>	<b>4.939.617.052</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	4.000.000.000	4.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		346.893.112	297.760.499
Quỹ dự phòng tài chính	418		175.096.725	150.530.419
Lợi nhuận chưa phân phối	420		514.193.300	491.326.134
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.291.412.760</b>	<b>7.216.328.245</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 05 năm 2015



Vạng Long Giang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tiến  
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	19.999.643.561	19.388.043.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.999.643.561	19.388.043.205
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	15.973.208.126	15.728.406.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.026.435.435	3.659.636.912
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13.765.713	68.643.462
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	141.158.333	3.126.250
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		141.158.333	3.126.250
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	797.812.117	641.764.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.459.099.073	2.537.283.977
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		642.131.625	546.105.237
11. Thu nhập khác	31	VI.07	610.000	29.381.881
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		610.000	29.381.881
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		642.741.625	575.487.118
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	128.548.325	84.160.984
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		514.193.300	491.326.134
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.285	1.228

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Vạng Long Giang  
Kế toán trưởngNguyễn Minh Tiến  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		18.079.391.182	17.469.198.554
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.854.993.169)	(8.755.877.288)
3. Tiền chi trả cho người lao	03		(5.092.014.565)	(5.138.121.078)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(141.158.333)	(3.126.250)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(144.771.058)	(98.928.113)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.026.504.844	1.366.144.913
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.282.411.837)	(3.801.413.824)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.590.547.064</b>	<b>1.037.876.914</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.491.000.000)	(468.673.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		550.552.604	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.940.447.396)</b>	<b>(468.673.074)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.500.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(255.000.000)	(82.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(368.000.000)	(1.275.298.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>877.000.000</b>	<b>(1.357.298.900)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>527.099.668</b>	<b>(788.095.060)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.829.206.350</b>	<b>2.617.301.410</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>2.356.306.018</b>	<b>1.829.206.350</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Vạng Long Giang  
Kế toán trưởngNguyễn Minh Tiến  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần In Nguyễn Văn Thắng là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500172827 đăng ký lần đầu ngày 20/1/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ đăng ký: 4.000.000.000 VND

- Vốn thực góp: 4.000.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: 48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

#### 2. Ngành nghề kinh doanh:

In các loại ấn phẩm như sách, báo, tạp chí, hóa đơn, biểu mẫu, nhãn hàng hóa; in bao bì và cán màng phủ, áp nhũ; mua bán nguyên liệu, vật tư ngành in

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÁNH

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

- d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.
- Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

- a. TSCĐ hữu hình:
- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;
- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	02 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;
- Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÁNH

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

---

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

### 7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	26.598.871	45.633.444
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	26.598.871	45.633.444
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	2.329.707.147	1.246.786.015
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	1.835.495.621	1.246.786.015
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long	494.211.526	-
Các khoản tương đương tiền	-	536.786.891
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	-	536.786.891
Tổng cộng	2.356.306.018	1.829.206.350



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Cuối năm	Đầu năm
<b>02. Phải thu khách hàng</b>		
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	263.999.547
- Công ty CP In Sốc Trắng	-	256.635.610
- Cơ sở In Lụa Xuân Trang	-	102.119.053
- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	228.460.552	215.121.730
- Cục Thuế Tỉnh Vĩnh Long	72.432.036	168.022.036
- Ban tuyên giáo Huyện Cái Bè	-	108.900.000
- Chị Thảo Đồng Tháp	69.382.800	-
- Cơ sở In Lụa Thuỷ Vân	86.162.526	-
- Công ty TNHH TM DV Minh Triệu	52.716.928	-
- Trung tâm Truyền thông GDSK Vĩnh Long	60.577.400	-
- Trung tâm tin học & Thông tin KHCN	69.647.580	-
- Các khách hàng khác	982.599.633	1.520.555.205
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.621.979.455</b>	<b>2.635.353.181</b>
<b>03. Trả trước cho người bán</b>		
- Công ty TNHH TMDV SX Cơ khí An Phú Thịnh	33.000.000	-
- Lương Hào Quang	5.250.000	-
- DNTN SX TM Thái Lê	39.632	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.289.632</b>	<b>-</b>
<b>04. Các khoản phải thu khác</b>		
- Phải thu khác	7.860.000	66.997.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.860.000</b>	<b>66.997.000</b>
<b>05. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>		
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(77.889.404)	(77.889.404)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(77.889.404)</b>	<b>(77.889.404)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

**06. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu (a)	1.150.132.588	986.335.042
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (b)	289.696.500	60.644.250
Thành phẩm (c)	579.557.578	164.686.677
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.019.386.666</b>	<b>1.211.665.969</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>2.019.386.666</b>	<b>1.211.665.969</b>
<i>(a) Chi tiết nguyên liệu, vật liệu bao gồm:</i>		
- Nguyên vật liệu chính:	971.353.864	885.532.806
- Vật liệu phụ	178.778.724	100.802.236

*(b) Chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2014 chủ yếu là chi phí trang in dở dang, giá trị này được xác định bằng 50% giá bán chưa thuế*

*(c) Chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2014 chủ yếu là thành phẩm trang in, giá trị này được xác định bằng 80% giá bán chưa thuế*

**07. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	9.750.000	-
Tăng trong năm	16.899.091	-
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	16.140.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.509.091</b>	<b>9.750.000</b>

**08. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản tạm ứng (d)	72.073.692	67.556.192
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.073.692</b>	<b>67.556.192</b>

*(d) Chi tiết các khoản tạm ứng tại ngày 31/12/2014 bao gồm:*

	Số tiền
Nguyễn Chí Linh	14.656.192
Dương Thị Hồng Nhi	17.285.500
Lâm Thị Mỹ Phượng	12.965.000
Trương Minh Thơm	12.800.000
Các nhân viên khác	14.367.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

**09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.129.607.376	100.909.091	-	1.230.516.467
Máy móc thiết bị	2.711.964.347	2.163.636.364	-	4.875.600.711
PTVTài, truyền dẫn	575.550.454	-	-	575.550.454
<b>Tổng</b>	<b>4.417.122.177</b>	<b>2.264.545.455</b>	<b>-</b>	<b>6.681.667.632</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	375.288.150	115.913.055	-	491.201.205
Máy móc thiết bị	2.295.727.976	331.350.355	-	2.627.078.331
PTVTài, truyền dẫn	331.867.094	67.498.392	-	399.365.486
<b>Tổng</b>	<b>3.002.883.220</b>	<b>514.761.802</b>	<b>-</b>	<b>3.517.645.022</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	754.319.226			739.315.262
Máy móc thiết bị	416.236.371			2.248.522.380
PTVTài, truyền dẫn	243.683.360			176.184.968
<b>Tổng</b>	<b>1.414.238.957</b>	<b>-</b>		<b>3.164.022.610</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	59.450.000	
Tăng trong năm	83.354.000	
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	63.929.000	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>78.875.000</b>	<b>59.450.000</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn		
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	340.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>340.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản vay phải trả dài hạn đến hạn trả trong năm (thuyết minh tại mục V.17) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/HĐTD - VL.KH ngày 25 tháng 02 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

12. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Doanh nghiệp tư nhân Minh Thi	313.415.382	235.951.095
- Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	231.083.998	222.526.000
- Công ty TNHH SX TM DV Tân Kim Hưng	171.348.023	-
- Công ty CP TM Toàn Lực	131.601.380	-
- Các khách hàng khác	363.802.494	332.599.391
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.211.251.277</b>	<b>791.076.486</b>
13. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
- Pho to Trung - Cao Lãnh	50.900.360	-
- Trung tâm đào tạo lái xe - tàu Hậu Giang	10.000.000	-
- Thành phố Vĩnh Long	52.386.111	26.828.670
- Ban trị sự phật giáo Việt Nam	18.480.000	-
- Văn phòng phẩm Phú Mỹ Hưng	22.178.015	-
- Các khách hàng khác	168.320.149	136.746.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>322.264.635</b>	<b>163.574.920</b>
14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	255.569.599	280.478.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.548.325	59.771.058
Thuế thu nhập cá nhân	13.474.452	1.156.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.592.376</b>	<b>341.406.416</b>
Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.		
15. Phải trả công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả công nhân viên	749.281.073	683.134.671
<b>Tổng cộng</b>	<b>749.281.073</b>	<b>683.134.671</b>
16. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí phải trả (e )	391.140.570	141.491.152
<b>Tổng cộng</b>	<b>391.140.570</b>	<b>141.491.152</b>

(e ) Đây là chi phí chế bản phim và bản kẽm in, chi phí giấy in, trang in, mực in, chi phí sản xuất chung tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

#### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	13.994.384	30.796.504
- Bảo hiểm xã hội	(3.531.018)	58.494
- Bảo hiểm y tế	4.226.610	11.119.759
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.470.593	3.700.883
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.260.545	97.057.943
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.421.114</b>	<b>142.733.583</b>

#### 18. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn (*)	1.245.000.000	-
Chuyển nợ vay đến hạn trả trong năm thuyết minh V.11	(340.000.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>905.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/HĐTD - VL.KH ngày 25 tháng 02 năm 2014 như sau:

Tên dự án vay vốn: Đầu tư máy in offset tờ rời 4 màu đã qua sử dụng hiệu Mishubishi Daiya 3F-4 chạy cồn, do Nhật Bản sản xuất năm 1990

Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy in offset tờ rời 4 màu đã qua sử dụng hiệu Mishubishi Daiya 3F-4 chạy cồn, do Nhật Bản sản xuất năm 1990, theo hợp đồng mua bán số 01/BM - 2014 ngày 08/01/2014

Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên

Lãi suất cho vay: 12%/năm tính trên dư nợ thực tế, được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần và áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Long tại thời điểm điều chỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000	793.009.613	218.228.828	110.764.584
Tăng vốn trong năm trước	-			
Giảm vốn trong năm trước	-			
Lãi trong năm trước	-	491.326.134		
Tăng trong năm	-		79.531.671	39.765.835
Giảm do trích lập các Quỹ	-	196.522.079		
Giảm do chia cổ tức	-	596.487.534		
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000	491.326.134	297.760.499	150.530.419
Tăng vốn năm nay	-			
Giảm vốn năm nay	-			
Lãi trong năm	-	514.193.300		
Tăng trong năm	-		49.132.613	24.566.306
Giảm do chia cổ tức	-	368.494.602		
Giảm do trích lập các Quỹ	-	122.831.532		
Giảm khác	-			
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000	514.193.300	346.893.112	175.096.725

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	2.040.000.000	51%	2.040.000.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.960.000.000	49%	1.960.000.000	49%
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	514.193.300		491.326.134	
Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	514.193.300		491.326.134	
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	400.000		400.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.285		1.228	
Cổ phiếu	Cuối năm		Đầu năm	
- Số lượng cổ phiếu phát hành	400.000		400.000	
+ Cổ phiếu thưởng	400.000		400.000	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	400.000		400.000	
Mệnh giá cổ phiếu	100.000		100.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH**

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Năm nay	Năm trước
<b>01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19.999.643.561</b>	<b>19.388.043.205</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	19.999.643.561	19.388.043.205
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>19.999.643.561</b>	<b>19.388.043.205</b>
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hoá	15.973.208.126	15.728.406.293
Tổng cộng	<b>15.973.208.126</b>	<b>15.728.406.293</b>
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi	13.765.713	68.643.462
Tổng cộng	<b>13.765.713</b>	<b>68.643.462</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	141.158.333	3.126.250
Tổng cộng	<b>141.158.333</b>	<b>3.126.250</b>
<b>05. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí bằng tiền khác	797.812.117	641.764.910
Tổng cộng	<b>797.812.117</b>	<b>641.764.910</b>
<b>06. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.419.129.862	1.512.461.094
Chi phí vật liệu quản lý	5.719.474	6.648.914
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.909.000	24.564.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.311.066	109.300.430
Thuế, phí và lệ phí	51.467.700	98.607.000
Chi phí dự phòng	-	28.624.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.608.833	73.145.152
Chi phí bằng tiền khác	723.953.138	683.933.333
Tổng cộng	<b>2.459.099.073</b>	<b>2.537.283.977</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Năm nay	Năm trước
07. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	610.000	29.381.881
Tổng cộng	610.000	29.381.881
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	642.741.625	575.487.118
Thu nhập tính thuế	642.741.625	575.487.118
Thu nhập tính thuế suất 10%	-	362.588.939
Thu nhập tính thuế suất 25%	-	212.898.179
Thu nhập tính thuế suất 20%	642.741.625	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	128.548.325	84.160.984

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Số liệu kiểm toán đầu kỳ được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt

3. Những khoản nợ tiềm tàng

Hiện Công ty đang gửi Công văn số 13/CTyCPIIn ngày 10/03/2015 cho Bộ Tài chính về việc xin miễn giảm lãi chậm nộp tiền bán cổ phần phát sinh từ thời điểm cổ phần hoá Danh nghiệp Nhà Nước của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC). Nếu khoản nợ này không được Bộ Tài chính xét duyệt miễn giảm Công ty phải ghi nhận một khoản nợ lãi phải trả về cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC).

4. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản ( % )		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	34,90%	20,42%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	65,10%	79,58%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn ( % )		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	45,80%	31,55%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	54,20%	68,45%



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

#### 2. Khả năng thanh toán

2.1 Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )	1,81	2,52
2.2 Khả năng thanh toán bằng tiền ( lần )	0,70	0,80
2.3 Khả năng thanh toán nhanh ( lần )	1,20	1,99

#### 3. Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ( % )		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	3,21%	2,97%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2,57%	2,53%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ( % )		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	6,92%	7,97%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,53%	6,81%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	10,21%	9,95%



Vạng Long Giang  
Kế toán trưởng



Ngày 27 tháng 05 năm 2015

Nguyễn Minh Tiến  
Giám đốc